

# GIÁO DỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ DI SẢN TỪ TRI THỨC BẢN ĐỊA CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI DAO THANH PHÁN TẠI QUẢNG NINH

Cao Thị Thường  
Trường Đại học Hạ Long

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh phát triển bền vững và kinh tế tri thức, kinh tế di sản đang trở thành một hướng tiếp cận hiệu quả nhằm gắn kết bảo tồn văn hóa với phát triển sinh kế cho cộng đồng địa phương. Cộng đồng người Dao Thanh Phán tại Quảng Ninh sở hữu hệ thống tri thức bản địa phong phú trên nhiều lĩnh vực như y học cổ truyền, thêu thổ cẩm, canh tác nông – lâm nghiệp và sinh hoạt văn hóa dân gian. Bài viết tập trung phân tích tiềm năng và thực trạng chuyển hóa tri thức bản địa thành nguồn lực kinh tế, đồng thời làm rõ vai trò của giáo dục trong việc bảo tồn, trao truyền và phát triển các giá trị này. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp tích hợp giáo dục với phát triển kinh tế di sản, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bảo tồn bản sắc văn hóa và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ninh.

**Từ khóa:** Kinh tế di sản, Tri thức bản địa, Người Dao Thanh Phán, Quảng Ninh.

## EDUCATION AND ECONOMIC DEVELOPMENT BASED ON HERITAGE KNOWLEDGE OF THE THANH PHAN DAO COMMUNITY IN QUANG NINH PROVINCE

**Abstract:** In the context of sustainable development and the knowledge economy, heritage economics is becoming an effective approach to linking cultural preservation with livelihood development for local communities. The Thanh Phan Dao community in Quang Ninh possesses a rich system of indigenous knowledge in many fields such as traditional medicine, brocade embroidery, agricultural and forestry cultivation, and folk cultural activities. This article focuses on analyzing the potential and current state of transforming indigenous knowledge into economic resources, while clarifying the role of education in preserving, transmitting, and developing these values. Based on this, the study proposes solutions to integrate education with heritage economic development, contributing to improving the quality of human resources, preserving cultural identity, and promoting sustainable socio-economic development for ethnic minority communities in Quang Ninh province.

**Keywords:** Heritage economics, Indigenous knowledge, Thanh Phan Dao people, Quang Ninh.

Nhận bài: 20/04/2026

Phản biện: 20/05/2026

Duyệt đăng: 24/05/2026

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong xu thế toàn cầu hóa và chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững, giáo dục ngày càng được xác định là yếu tố nền tảng trong việc phát huy các nguồn lực nội sinh của mỗi quốc gia, mỗi địa phương. Di sản văn hóa, đặc biệt là tri thức bản địa của các cộng đồng dân tộc thiểu số, không chỉ là giá trị cần bảo tồn mà còn là nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế nếu được khai thác một cách khoa học và có định hướng. Khái niệm “kinh tế di sản” ra đời đã mở ra hướng tiếp cận mới, trong đó giáo dục đóng vai trò cầu nối giữa bảo tồn và phát triển, giữa tri thức truyền thống và tri thức hiện đại.

Quảng Ninh – vùng đất giàu tiềm năng văn hóa với sự đa dạng tộc người – là nơi cộng đồng người Dao Thanh Phán đang lưu giữ nhiều giá trị tri thức bản địa độc đáo. Tuy nhiên, trước tác động của hiện đại hóa và kinh tế thị trường, các giá trị này đang đứng trước nguy cơ mai một nếu không được bảo tồn và phát huy đúng cách. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu phát triển kinh tế di sản gắn với giáo dục không chỉ giúp nâng cao nhận

thức cộng đồng, mà còn tạo nền tảng cho việc đào tạo nguồn nhân lực, thúc đẩy khởi nghiệp và phát triển bền vững tại địa phương.

### II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Cơ sở lý luận về kinh tế di sản, tri thức bản địa và thực trạng của cộng đồng người Dao Thanh Phán tại Quảng Ninh

Kinh tế di sản là một bộ phận cấu thành của nền kinh tế tri thức và công nghiệp văn hóa. Theo cách tiếp cận của UNESCO và các nhà kinh tế học văn hóa, di sản văn hóa không phải là một “tiêu sản” tiêu tốn ngân sách để duy tu, mà là một loại “vốn văn hóa”. Nguồn vốn này có đặc tính: vừa mang giá trị văn hóa tự thân (giá trị phi thị trường), vừa có khả năng sản sinh ra giá trị kinh tế (giá trị thị trường) thông qua các hoạt động hàng hóa hóa và dịch vụ hóa phù hợp.

Phát triển kinh tế di sản là quá trình bảo tồn động, trong đó các giá trị di sản được đưa vào chu trình kinh tế hiện đại, tạo ra việc làm, thu nhập cho cộng đồng chủ thể, từ đó tạo ra nguồn tài chính tái đầu tư cho công tác bảo tồn. Mô hình này dịch

chuyên tư duy từ “bảo tồn cực đoan” (đóng băng di sản) sang “bảo tồn thích ứng” và “bảo tồn phát triển”. Tri thức bản địa (hay tri thức địa phương) là hệ thống kiến thức, kỹ năng, thực hành được đúc đượ các cộng đồng bản địa phát triển và tích lũy qua nhiều thế hệ tương tác với môi trường tự nhiên và xã hội của họ. Tri thức bản địa có các đặc trưng: tính bản địa sâu sắc, tính truyền khẩu trao truyền thực hành, tính thích ứng cao và gắn liền với bản sắc tộc người. Trong cấu trúc của kinh tế di sản, tri thức bản địa đóng vai trò là “nguyên liệu đầu vào độc bản”. Khi thế giới chuyển sang xu hướng tiêu dùng sản phẩm xanh, độc lạ, có tính nhân văn và câu chuyện văn hóa, tri thức bản địa chính là yếu tố cốt lõi tạo nên lợi thế cạnh tranh tuyệt đối. Một sản phẩm được làm ra từ tri thức bản địa không chỉ có giá trị sử dụng vật chất, mà còn mang giá trị biểu tượng cao, cho phép nhà sản xuất định giá sản phẩm ở phân khúc cao cấp.

Mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế di sản và tri thức bản địa là một vòng tròn đồng tâm hỗ trợ lẫn nhau. Tri thức bản địa là nền tảng, là chất liệu nuôi dưỡng kinh tế di sản, không có tri thức bản địa độc đáo, sản phẩm của kinh tế di sản sẽ rơi vào tình trạng rập khuôn, đồng hóa và mất đi sức hút đối với thị trường. Kinh tế di sản là công cụ, là động lực để bảo tồn tri thức bản địa, khi tri thức bản địa chứng minh được giá trị kinh tế, mang lại sự giàu có và nâng cao vị thế xã hội cho người dân, tự khắc cộng đồng chủ thể sẽ có động lực tự thân để gìn giữ, trao truyền và phát triển tri thức đó cho thế hệ mai sau mà không cần đến các mệnh lệnh hành chính mang tính áp đặt.

Người Dao Thanh Phán là một trong những nhánh Dao giữ được nhiều nét văn hóa nguyên bản nhất tại Quảng Ninh. Do đặc điểm lịch sử cư trú ở vùng núi cao, khí hậu khắc nghiệt, tách biệt địa lý, họ đã hình thành nên một hệ thống tri thức bản địa vô cùng phong phú, có giá trị chuyên hóa kinh tế rất lớn trên các lĩnh vực như:

#### *Tri thức về y học cổ truyền*

Đây là mảng tri thức có giá trị kinh tế hiện hữu và tiềm năng thương mại hóa lớn nhất của người Dao Thanh Phán. Sống gắn liền với rừng già và dãy núi cao (như Cao Ba Lanh, Cao Xiêm), người Dao Thanh Phán có hiểu biết sâu sắc về hàng trăm loài cây dược liệu, họ sở hữu các bài thuốc gia truyền có hiệu quả cao. Thuốc tắm bảo vệ sức khỏe (bài thuốc sử dụng từ 30 đến hơn 100 loại lá rừng, dùng cho phụ nữ sau sinh giúp nhanh hồi phục sức khỏe, trẻ em chống rôm sảy, người

già thông kinh lạc, giảm đau nhức xương khớp), Thuốc chữa bệnh chuyên khoa (các bài thuốc trị bệnh về gan, thận, dạ dày, xương khớp, rắn cắn... bằng các loài cây mà y học hiện đại vẫn đang tiếp tục nghiên cứu dược tính). Tri thức này không chỉ bao gồm công thức phối trộn mà còn bao gồm cả quy trình khai thác bền vững (chỉ hái lá, vỏ cây hoặc rễ ở mức độ cho phép để cây tiếp tục tái sinh), thời gian thu hoạch theo mùa, theo tuần trăng để đạt dược tính cao nhất.

#### *Tri thức về kỹ nghệ dệt, thêu thùa và tạo hình trang phục*

Trang phục truyền thống của phụ nữ Dao Thanh Phán là một đỉnh thể nghệ thuật rực rỡ và vô cùng phức tạp. Điểm độc đáo trong tri thức thêu thùa của họ là kỹ thuật thêu không cần mẫu. Người phụ nữ Dao Thanh Phán thêu hoàn toàn bằng tay, tính toán các sợi vải để tạo hoa văn từ mặt trái của tấm vải nhưng sản phẩm hoàn thiện lại hiện lên hoàn hảo ở mặt phải. Hoa văn trên gấu quần, tà áo là những mật mã văn hóa phản ánh thế giới quan sinh thái như: họa tiết ngôi sao (thần linh), hình cây vạn tuế, dấu chân hổ, hoa kiêu, con rùa... Kỹ nghệ nhuộm chàm tự nhiên, sử dụng cây chàm rừng và các loại phụ gia tự nhiên để tạo ra sắc chàm đen bóng đặc trưng, bền màu với thời gian.

#### *Tri thức kinh tế sinh thái và nông - lâm nghiệp bản địa*

Người Dao Thanh Phán có kinh nghiệm canh tác lâm nghiệp và nông nghiệp đặc thù thích ứng với địa hình độ dốc cao, kinh nghiệm chọn đất, nhân giống, chăm sóc và thu hoạch các cây lâm sản có giá trị kinh tế cao như cây quế, cây hồi, cây sớ (ép dầu), cây trà hoa vàng. Họ biết cách nương tựa vào rừng, trồng cây xen canh để giữ đất, giữ nước. Kỹ thuật canh tác lúa nước trên ruộng bậc thang, cách quản lý nguồn nước từ các khe núi cao dẫn về ruộng bằng hệ thống ống nứa, máng nước tự nhiên; kinh nghiệm lựa chọn các giống lúa thuần chủng bản địa (như lúa bao thai, nếp nương) có khả năng chịu hạn, chịu sâu bệnh tốt.

#### *Văn hóa lễ hội, di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, một nghi lễ vòng đời bắt buộc đối với nam giới người Dao để được công nhận trưởng thành.*

Lễ cấp sắc chứa đựng hệ thống giá trị đạo đức, triết lý nhân sinh và các điệu múa rùa, múa hành quang độc đáo.

Hội Kiêng gió diễn ra vào ngày 4/4 âm lịch hàng năm. Vào ngày này, người Dao Thanh Phán

không bước ra đồng, không làm việc mà tụ tập ở những khoảng đất trống, bìa rừng để hát Sán cổ (hát giao duyên), gặp gỡ bạn bè, trao đổi sản vật.

Âm thực bản địa kỹ nghệ chế biến các món ăn độc đáo như khâu nhục, bánh ngải, rượu men lá rừng, cá suối nướng...

Trong giai đoạn từ năm 2015 đến nay, thực hiện chủ trương chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh” của tỉnh Quảng Ninh, việc khai thác các giá trị văn hóa bản địa để phát triển kinh tế đã đạt được nhiều kết quả tích cực.

Thứ nhất: Thành công từ mô hình “Hàng hóa hóa tri thức” thông qua Chương trình OCOP.

Thứ hai: Sự khởi sắc của mô hình Du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn di sản.

Thứ ba: Góp phần giảm nghèo bền vững và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Bên cạnh những điểm sáng, việc phát triển kinh tế di sản từ tri thức bản địa của người Dao Thanh Phán vẫn đang bộc lộ những hạn chế mang tính hệ thống, đe dọa đến tính bền vững của cả mô hình kinh tế lẫn bản sắc văn hóa.

Thứ nhất: Tình trạng “Khai thác thô” và hàm lượng giá trị gia tăng thấp.

Thứ hai: Nguy cơ đứt gãy thể hệ và mai một nguồn vốn tri thức.

Thứ ba: Thiếu cơ chế pháp lý bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và chia sẻ lợi ích.

Thứ tư: Năng lực quản trị và làm du lịch của cộng đồng còn yếu.

## 2.2. Giải pháp phát triển lối sống lành mạnh

### 2.2.1. Giải pháp về cơ chế chính sách và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

*Hoàn thiện khung pháp lý về quyền sở hữu tập thể*

Tỉnh Quảng Ninh cần thí điểm xây dựng quy chế bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tập thể đối với các tri thức bản địa của cộng đồng người Dao Thanh Phán.

Tiến hành kiểm kê, số hóa và lập “Bản đồ tri thức bản địa”, đặc biệt là danh mục các bài thuốc Nam gia truyền, các họa tiết thổ cẩm đặc trưng.

Hỗ trợ cộng đồng đăng ký nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm như: “Thuốc tắm người Dao Thanh Phán Bình Liêu”, “Quế hữu cơ Ba Chẽ”...

*Áp dụng cơ chế “Chia sẻ lợi ích”*

Cần cụ thể hóa Nghị định về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích vào thực tiễn địa

phương. Khi các tập đoàn dược phẩm, các công ty xử lý hành khai thác tri thức bản địa, nguồn gen cây thuốc của người Dao Thanh Phán để kinh doanh, bắt buộc phải ký kết thỏa thuận chia sẻ lợi ích với cộng đồng. Một tỷ lệ phần trăm lợi nhuận cố định phải được trích lại để nộp vào “Quỹ bảo tồn di sản người Dao” tại chính bản làng đó để tái đầu tư cho phúc lợi xã hội và bảo tồn văn hóa.

### 2.2.2. Nhóm giải pháp về khoa học công nghệ và nâng cao chuỗi giá trị sản phẩm

*Hiện đại hóa y học cổ truyền bản địa*

Nhà nước làm cầu nối để các HTX của người Dao liên kết với các viện nghiên cứu dược liệu, các trường đại học y - dược để phân tích, chứng minh khoa học về tính an toàn và dược tính của các bài thuốc tắm, thuốc chữa bệnh.

Đầu tư công nghệ chế biến sâu: Chuyển đổi hình thức bán lá thuốc thô sang các dạng sản phẩm tiện dụng, có hàm lượng chất xám cao như: túi lọc thuốc tắm, cao lỏng cô đặc, tinh dầu xông, xà bông thảo dược, muối ngâm chân sinh học. Điều này giúp nâng giá trị sản phẩm lên gấp hàng chục lần và dễ dàng tiêu thụ tại các hiệu thuốc, spa, siêu thị lớn.

*Cách tân và thương mại hóa thổ cẩm, mỹ thuật truyền thống*

Khuyến khích các nhà thiết kế thời trang phối hợp với nghệ nhân Dao Thanh Phán tiến hành “cách tân hóa” hoa văn thêu. Trích xuất các mô-típ hoa văn độc đáo (ngôi sao, chân hổ) để ứng dụng lên các sản phẩm thời trang đương đại như: áo sơ mi, váy công sở, túi xách, khăn trải bàn, vỏ gối, rèm cửa, sổ tay lưu niệm.

Ứng dụng công nghệ dệt hiện đại để tạo ra các cuộn vải có họa tiết Dao Thanh Phán với số lượng lớn, giá thành rẻ phục vụ thị trường đại chúng, trong khi vẫn duy trì phân khúc sản phẩm thêu tay cao cấp cho đối tượng khách hàng xa xỉ.

Nhóm giải pháp về phát triển mô hình Du lịch di sản bền vững:

*Xây dựng mô hình “Bảo tàng sống” (Ecomuseum)*

Dịch chuyển từ mô hình bảo tàng truyền thống (trưng bày hiện vật trong tủ kính) sang mô hình “Bảo tàng sống” tại các bản Sông Moóc (Bình Liêu) hay Đồn Đạc (Ba Chẽ). Trong mô hình này:

Toàn bộ bản làng là một không gian bảo tàng mở. Ngôi nhà vách đất, ruộng bậc thang, rừng quế là hiện vật. Người dân Dao Thanh Phán sinh sống, lao động hằng ngày chính là “hướng dẫn viên” và là chủ thể trình diễn di sản.

Du khách trả phí để tham gia vào các hoạt động trải nghiệm thực tế: cùng người dân đi rừng nhận biết cây thuốc, tự tay thêu một họa tiết đơn giản, tham gia nghi lễ cấp sắc mô phỏng hoặc học nấu món ăn bản địa.

#### *Phát triển dòng sản phẩm Du lịch chữa lành*

Tận dụng lợi thế khí hậu trong lành của vùng núi cao Quảng Ninh và tri thức y học của người Dao để xây dựng các trung tâm nghỉ dưỡng sinh thái kết hợp trị liệu y học cổ truyền. Tại đây cung cấp các gói dịch vụ: tắm lá thuốc chuẩn bản địa, bấm huyệt châm cứu bằng phương pháp gia truyền, ăn các món ăn thực dưỡng từ nguyên liệu bản địa, thiền định giữa rừng quế, rừng sồi. Đây là phân khúc du lịch mang lại doanh thu cực kỳ lớn và có tính bền vững cao.

#### *2.2.3. Nhóm giải pháp về giáo dục, nguồn nhân lực và phát triển cộng đồng:*

##### *Ngăn chặn sự đứt gãy trao truyền tri thức*

Cần có chính sách vinh danh và hỗ trợ tài chính hàng tháng cho các nghệ nhân am hiểu tri thức bản địa để họ yên tâm truyền dạy nghề cho thế hệ sau.

Phối hợp với các trường học trên địa bàn miền núi đưa nội dung giáo dục di sản địa phương vào chương trình ngoại khóa. Tổ chức các câu lạc bộ thêu thổ cẩm, câu lạc bộ hát Sán cổ, dạy chữ Nôm Dao ngay trong trường học để khơi dậy lòng tự hào dân tộc cho học sinh người Dao từ khi còn nhỏ.

##### *Đào tạo “Doanh nhân di sản” tại chỗ*

Thay vì chỉ đào tạo người Dao làm nông nghiệp, cần mở các lớp bồi dưỡng về năng lực quản trị kinh doanh, kỹ năng đón tiếp khách du lịch, vệ sinh an toàn thực phẩm và quản lý tài chính hộ gia đình.

Đặc biệt chú trọng đào tạo năng lực số cho thanh niên người Dao Thanh Phán. Hướng dẫn họ cách sử dụng điện thoại thông minh để viết câu chuyện thương hiệu sản phẩm, chụp ảnh, quay video làm marketing, livestream bán nông - lâm sản và các bài thuốc trên các nền tảng thương mại điện tử (TikTok, Shopee, Facebook). Khi người trẻ làm chủ được công nghệ và kiếm được tiền từ di sản của cha ông, họ sẽ tự nguyện ở lại giữ bản, giữ rừng.

### **2.3. Vai trò của giáo dục trong phát triển kinh tế di sản từ tri thức bản địa**

Giáo dục giữ vai trò then chốt trong việc bảo tồn, trao truyền và phát huy giá trị tri thức bản địa gắn với phát triển kinh tế di sản của cộng đồng người Dao Thanh Phán tại Quảng Ninh. Trước hết, giáo dục góp phần hệ thống hóa và “chính thức hóa” các tri thức truyền khẩu thông qua việc đưa nội dung văn hóa, nghề truyền thống và tri thức bản địa vào chương trình giáo dục địa phương ở các cấp học. Việc tích hợp này không chỉ giúp học sinh nhận thức rõ giá trị di sản dân tộc mình, mà còn hình thành ý thức bảo tồn và phát triển di sản ngay từ sớm.

Bên cạnh đó, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học (đặc biệt là các trường trên địa bàn như Trường Đại học Hạ Long) cần đóng vai trò cầu nối giữa tri thức bản địa và khoa học hiện đại. Thông qua hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực, giáo dục góp phần chuẩn hóa quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm từ tri thức bản địa (như dược liệu, thổ cẩm, du lịch cộng đồng), từ đó gia tăng giá trị kinh tế và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Ngoài ra, giáo dục còn thúc đẩy hình thành đội ngũ “doanh nhân di sản” là người địa phương – những người vừa am hiểu văn hóa truyền thống, vừa có năng lực kinh doanh và kỹ năng số. Việc tổ chức các chương trình đào tạo ngắn hạn về khởi nghiệp, thương mại điện tử, marketing số, quản trị du lịch cộng đồng sẽ giúp thanh niên người Dao Thanh Phán chủ động khai thác và phát triển các sản phẩm di sản một cách sáng tạo, hiệu quả.

Cuối cùng, giáo dục còn đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn ngôn ngữ, chữ viết (chữ Nôm Dao), nghệ thuật dân gian và tri thức phi vật thể thông qua các câu lạc bộ văn hóa, lớp học truyền nghề do nghệ nhân hướng dẫn. Đây là nền tảng để duy trì tính liên tục văn hóa và đảm bảo sự phát triển bền vững của kinh tế di sản trong bối cảnh hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Như vậy, giáo dục không chỉ là công cụ hỗ trợ mà còn là động lực nội sinh quyết định sự thành công lâu dài của mô hình kinh tế di sản từ tri thức bản địa của người Dao Thanh Phán.

### III. KẾT LUẬN

Phát triển kinh tế di sản từ tri thức bản địa của cộng đồng người Dao Thanh Phán tại Quảng Ninh là một hướng đi phù hợp với xu thế phát triển bền vững, vừa góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa, vừa tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Trong tiến trình đó, giáo dục giữ vai trò then chốt, không chỉ trong việc bảo tồn và trao truyền tri thức truyền thống, mà còn trong việc nâng cao năng lực khai thác, sáng tạo và phát triển các giá trị di sản theo hướng hiện đại.

Việc tích hợp giáo dục vào phát triển kinh tế di sản sẽ góp phần hình thành nguồn nhân

lực chất lượng, đặc biệt là thế hệ trẻ người Dao Thanh Phán – những chủ thể kế thừa và phát huy di sản. Đồng thời, giáo dục còn tạo điều kiện để kết nối tri thức bản địa với khoa học công nghệ, mở rộng thị trường và nâng cao giá trị sản phẩm.

Có thể khẳng định rằng, giáo dục chính là chìa khóa để chuyển hóa tri thức bản địa thành nguồn lực phát triển bền vững. Khi được định hướng đúng đắn, kinh tế di sản không chỉ giúp cộng đồng “giữ gìn cái gốc” văn hóa, mà còn tạo ra sinh kế lâu dài, góp phần xây dựng một xã hội phát triển hài hòa giữa truyền thống và hiện đại.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021), *Báo cáo phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025*, Hà Nội.

Hội đồng Dân tộc của Quốc hội (2022), *Khai thác tri thức bản địa trong phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số*, *Kỷ yếu hội thảo khoa học*, Hà Nội.

Ngô Đức Thịnh (2014), *Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa truyền thống trong phát triển bền vững*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

Tỉnh ủy Quảng Ninh (2023), *Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 30/10/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Quảng Ninh trở thành nguồn lực nội sinh, động lực cho phát triển nhanh, bền vững*.

UNESCO (2003), *Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể*, Paris.